

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-PT

Ngày 28- 9 -2022

*"V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng.

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến và ông Nguyễn Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 17/2022/TLPT-DS ngày 04/7/2022 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của TAND huyện Cẩm Giàng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐXX-PT ngày 5/9/2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 18/2022/QĐ-PT ngày 23/9/2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 58/2022/TB-TA ngày 26/9/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Công N1, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị N2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương. Ông N1 có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Vũ Xuân M1, sinh năm 1950 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Vũ Xuân V, sinh năm 1960 và bà Mai Thị T2, sinh năm 1958; Địa chỉ: Thôn N, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, bà T2: Ông Mai Công N1. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1950;

- Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1971;

- Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1972;

- Anh Vũ Văn L1, sinh năm 1978;

- Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

- Anh Vũ Xuân T3, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 12, xã Eaô, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà T1, chị H1, anh Q, anh L1, anh T3: Chị Vũ Thị H2. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hải Dương;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Q – Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc N - Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H2 và bị đơn: Ông Nguyễn Công H3 – Luật sư Công ty luật TNHH T, Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N1 bà N2; ông V bà T1: Ông Đinh Ngọc P - Luật sư Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tóm tắt nội dung vụ án:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai, nguyên đơn ông Mai Công N1 và bà Vũ Thị N2 trình bày: Năm 1995, UBND xã Lai Cách (nay là UBND thị trấn Lai Cách) tổ chức đấu thầu đất ao, thung, vũng ven đường Quốc lộ 5A. Ông bà trúng thầu mua 74m² đất ao tại thửa số 124, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện C. Ngày 18-8-1995, ông bà đã nộp 35.050.000đ và ngày 16-10-1996 được UBND xã và các ban ngành đoàn thể giao đất. Tại thời điểm giao đất hiện trạng là mặt nước ao, không có bất cứ công trình hay cây cối nào. Diện tích đất mua đã được bổ sung vào sổ mục kê và thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1993. Ngày 30-3-1997, UBND huyện Cẩm Bình cấp giấy CNQSDĐ số 1733 cho ông bà; trong giấy chứng nhận QSDĐ ghi cạnh phía Đ là 19,5m; cạnh phía T là 19m; sau đó Phòng tài nguyên và môi trường huyện đính chính cạnh phía Đ là 12m, cạnh phía T là 12m là do diện tích đất của ông bà tiếp giáp QL5A, tuyến mặt đường phải lùi vào 07m để làm lưu không giao thông nên 2 cạnh ngắn lại và diện tích còn 48m². Do ông bà đang sinh sống ở thôn khác, chưa có nhu cầu sử dụng, vẫn để mặt nước ao; vợ chồng bà T1 ở gần đã ra san lấp và xây nhà tạm cho con gái là chị Vũ Thị H2 sử dụng. Năm 2009, khi phát hiện vợ chồng bà T1 đang san lấp, ông bà có đơn tố cáo về hành vi chiếm đất trái phép, UBND thị trấn Lai Cách đã lập văn bản, nhiều lần ngăn chặn vào các ngày 10-01-2010; 29-4-2011, yêu cầu đình chỉ và giải tỏa việc san lấp xây dựng công trình. Ông bà đã nhiều lần khiếu nại đến UBND thị trấn Lai Cách về việc vợ chồng bà T1 tự ý san lấp, sử dụng trái phép diện tích đất của ông bà nhưng vợ chồng bà T1 không chấp hành. Tháng 7-2012, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng buộc vợ chồng bà T1 phải trả lại 48m² đất ở tại thửa số 124, tờ bản đồ số 12, địa chỉ:

Thôn H, thị trấn L, huyện C và dỡ bỏ toàn bộ nhà, công trình xây trên đất. Quá trình giải quyết kéo dài, vợ chồng bà T1 tiếp tục xây tường bao và xây thêm 01 gian nhà tạm nối tiếp với gian nhà cũ lấn ra phần lưu không đường Quốc lộ 5A. Nay ông bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý trả tiền san lấp diện tích 48m² đất theo quy định của pháp luật; ông bà không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bà T1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ.

Ông bà tự nguyện chịu cả tiền chi phí thẩm định, định giá mà ông bà đã chi; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Phiếu thu ngày 18-8-1995; Biên bản đình chỉ ngày 10-01-2010 và ngày 29-4-2011; Biên bản làm việc ngày 13-5-2011 và 07-4-2011.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22-4-2014, bản tự khai và các lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Xuân V và bà Mai Thị T2 trình bày: Năm 1995, ông bà có tham gia đấu thầu do UBND xã Lai Cách (nay là UBND thị trấn Lai Cách) tổ chức và trúng thầu mua được 73m² đất ao tại thửa số 123, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện C (giáp ranh với đất của ông N1). Ngày 18-8-1995, ông bà đã nộp 33.000.000đ và ngày 16-10-1996 được UBND xã và các ban ngành đoàn thể giao đất. Ngày 30-3-1997, UBND huyện Cẩm Bình cấp giấy CNQSDĐ số 1734 cho ông bà; trong giấy chứng nhận QSDĐ ghi cạnh phía Đ là 19,5m; cạnh phía T là 19m; Do diện tích đất của ông bà tiếp giáp QL5A nên diện tích đất trúng thầu của ông bà phải lùi vào 07m để làm lưu không giao thông nên 2 cạnh Đ và T ngắn lại chỉ còn 12m và diện tích được cấp là 48m². Kể từ khi cấp giấy CNQSDĐ hàng năm ông bà vẫn nộp thuế cho trưởng thôn Đô và được ghi vào sổ theo dõi của thôn. Do ông bà chưa có nhu cầu sử dụng đất thiếu sự quản lý đất; vợ chồng bà T1 ở gần đã tự ý san lấp ao và xây dựng 01 phần nhà tạm trên đất của ông bà (phần lớn nhà tạm nằm trên đất của vợ chồng ông N1). Quá trình Tòa án đang giải quyết thì vợ chồng bà T1 lại tiếp tục xây tường bao về phía B, phía Đ trên đất của ông bà và dựng thêm 01 gian nhà tạm bằng tôn lấn ra cả phần đất lưu không đường Quốc lộ 5A. Nay ông bà vẫn yêu cầu vợ chồng bà T1, chị H2 phải trả lại 48m² đất ở tại thửa số 123, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: Thôn H, thị trấn L, huyện C và dỡ bỏ toàn bộ công trình đã xây trên diện tích đất của ông bà. Ông bà đồng ý trả tiền san lấp diện tích 48m² đất theo quy định của pháp luật và không chấp nhận yêu cầu phản tố của vợ chồng bà T1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ.

Tại các lời khai và Đơn đề nghị, bị đơn ông Vũ Xuân M1, bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 trình bày: từ năm 1972, ông bà được UBND xã Lai Cách cấp cho sử dụng 1 lô đất ở để định canh định cư; cấp bằng miệng(không có giấy tờ), ông bà đã qua 3 lần làm nhà và trồng cây lâu năm, không tranh chấp với ai. Ông bà đã trồng tre và làm chuồng trâu, sử dụng mặt nước khoán hàng năm; có nộp tiền thuế cho trưởng thôn là ông Đô, bà Lê Thị Nhân, bà Vũ Thị Ngọc; không có biên lai thu mà chỉ ghi vào sổ hàng năm của thôn; được nhân dân trong thôn và trưởng thôn các thời kỳ xác

nhận; hàng năm ông bà đã đóng thuê đất cho Nhà nước. Khoảng năm 1980, địa chính xã đo đạc đất đai lần đầu tiên, ông bà đã đăng ký sử dụng thửa đất này để xin cấp giấy CNQSDĐ nhưng không hiểu vì lý do gì mà không được cấp giấy chứng nhận. Ông bà có tờ giấy do cán bộ địa chính và Bí thư chi bộ cũ từ xưa xác nhận ông bà là người sử dụng hợp pháp lô đất từ năm 1972. Quá trình sử dụng đất ông bà đã san lấp dần mỗi năm một ít; năm 2009, ông bà xây tường bao để đất cát không trôi ra đường thì gia đình ông N1 cho người đến đập phá tường và đã được địa phương hòa giải. Năm 2010, ông bà dựng nhà cấp 4 và công trình trên đất như hiện nay để cho con gái là Vũ Thị H2 ở. Trong suốt thời gian san lấp dần và dựng nhà ở không bị cơ quan nào lập biên bản yêu cầu đình chỉ thi công; nếu có biên bản mà không có chữ ký của ông bà là do Chính quyền địa phương tự tạo. Ông bà khẳng định diện tích đất hai thửa 123,124 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông bà vì ông bà đã sử dụng lâu dài, không tranh chấp với ai; việc Nhà nước chưa cấp giấy CNQSDĐ cho ông bà là do Chính quyền cố tình làm sai lệch hồ sơ, bản đồ địa chính. Nay vợ chồng ông N1 và vợ chồng ông V yêu cầu ông bà phải dỡ bỏ toàn bộ nhà và công trình để trả lại diện tích đất tại thửa 123,124 cho vợ chồng ông N1 và vợ chồng ông V thì ông bà không nhất trí. Nếu phải trả đất, ông bà yêu cầu hộ ông N1, hộ ông V trả giá trị đất san lấp và công trình đã xây dựng trên đất.

Ông bà cho rằng việc UBND huyện Cẩm Bình (nay là Cẩm Giàng) cấp giấy CNQSDĐ đất cho vợ chồng ông N1, vợ chồng ông V là không đúng người sử dụng đất. Ông bà đề nghị hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng ông N1, vợ chồng ông V vào ngày 30-3-1997.

Các chứng cứ bị đơn giao nộp: Đơn xác nhận ngày 17-10-1990; bản xác nhận của ông Đ trưởng thôn Hoàng Đường ngày 13-10-2009;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị H2, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 (bà T1, chị H1, anh Q, anh L1, anh T3) trình bày: bố mẹ chị đã khai hoang ở rìa ao, trồng tre, làm chuồng trâu trên 2 lô đất từ năm 1972 đến năm 2010 thì xảy ra tranh chấp; hiện nay bố mẹ chị chưa được cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích đất này. Tháng 3/2011, bố mẹ chị xây nhà và tháng 4/2011 cho chị ở nhờ. Toàn bộ nhà, công trình phụ và tường bao có trên đất là của bố mẹ chị làm, chị không có liên quan gì, chỉ là người được bố mẹ cho ra ở nhờ. Nay hộ ông N1, hộ ông V đòi lại đất và yêu cầu dỡ bỏ nhà và công trình trên đất, chị không nhất trí vì đó là nhà đất của bố mẹ chị.

Chị đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M1 không đề nghị định giá lại đất, các tài sản trên đất và không yêu cầu xác định lại tiền đất san lấp vì đã có giá trong biên bản định giá ngày 12-12-2019 và ngày 29-5-2014; giá đất san lấp nếu có tăng giảm không đáng kể bao nhiêu nên đề nghị Tòa sử dụng giá đất, tài sản tại biên bản định giá ngày 12-12-2019 và giá trị đất san lấp tại biên bản định giá ngày 29-5-2014.

Lời khai của người làm chứng (nguyên Trưởng thôn Hoàng Đường) trình bày: thửa đất 123, 124 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Mai Công

N1 và vợ chồng ông Mai Công V; hai thửa đã được cấp giấy CNQSDĐ năm 1997. Do hộ ông N1, ông V cư trú ở thôn khác, thiếu sự quản lý nên vợ chồng bà T1 tự ý san lấp cát dần trong nhiều năm từ 2007-2009 và xây nhà trên đất hộ ông N1 và 1 phần đất của hộ ông V. Ngày 10-01-2010, Chính quyền thôn và xã đã lập biên bản yêu cầu ông M1 thu dọn hết phần cát đã san lấp trái phép trả lại diện tích đất cho hộ ông N1 và ông V thì vợ chồng ông M1 vẫn tiếp tục san lấp; địa phương đã lập biên bản ngày 07-4-2011 và biên bản đình chỉ ngày 29-04-2011 yêu cầu vợ chồng ông M1 dừng ngay việc xây dựng nhà trái phép trên đất hộ ông N1, ông V nhưng ông M1 không chấp hành.

Từ năm 1972, hai thửa đất này là ao thuộc sự quản lý của UBND xã Lai Cách. Trước năm 1995, hai thửa này vẫn là mặt nước ao; gia đình ông M1 ở gần đã tận dụng bờ ao trồng tre, làm chuồng trâu. Không có việc vợ chồng ông M1 đóng thuế đất này cho thôn. Từ khi được giao đất thì hộ ông N1, ông V hàng năm vẫn đóng thuế. Từ năm 2011, UBND xã Lai Cách chuyển danh sách thu thuế bổ sung đối với hộ ông N1 và hộ ông V về thôn nên thôn bắt đầu thu từ đó, còn trước đó ai thu ông không biết. Mỗi khi thu tiền ông đều viết phiếu thu bằng tay giao cho người nộp thuế.

Lời khai của những người làm chứng (anh Vũ Văn T4, bà Vũ Thị N2, ông Vũ Văn Q2, bà Lê Thị N3, anh Vũ Văn N4, bà Vũ Thị M2, ông Vũ Văn N5, ông Vũ Văn T4, ông Vũ Xuân T5) đều xác nhận: đúng chữ ký, chữ viết họ tên trong Đơn xác nhận ngày 17-10-1990 nhưng chỉ ký xác nhận việc ông M1 đã sử dụng hai thửa đất từ năm 1972 làm cầu ao, trồng tre, làm chuồng trâu chứ không xác nhận hai thửa đất này là của vợ chồng bà T1, còn hai thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ai thì không biết.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Cẩm Giàng trình bày: Gia đình ông M1 sử dụng khai hoang từ năm 1972 cho đến nay thì phải đăng ký quyền sử dụng đất qua các thời kỳ. Tại bản đồ 299 không có tên ông M1 bà T1, do vậy tại thời điểm đó đất vẫn thuộc quản lý của Nhà nước. Đến năm 1993 thực hiện quản lý đất đai, gia đình ông M1 cũng không kê khai vào hồ sơ địa chính của xã, không có giấy tờ chứng minh việc sử dụng hợp pháp hai thửa đất 123,124. Năm 1995 Nhà nước tổ chức đấu thầu thì hộ ông N1 và hộ ông V trúng thầu nên năm 1996 hai hộ được giao đất và năm 1997 được cấp giấy CNQSDĐ.

Trình tự, thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đất của UBND huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) cho ông Mai Công N1 được quyền sử dụng 48m² tại thửa 124 và ông Vũ Xuân V được quyền sử dụng 48m² tại thửa 123 tờ bản đồ số 12, địa chỉ Thôn H, thị trấn L, huyện C vào ngày 30-3-1997 là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời điểm cấp năm 1997 hộ ông N1 và ông V thuộc diện giao đất trái thẩm quyền nhưng sau đó đã được UBND tỉnh công nhận hợp thức hóa và hai thửa đất đã quy hoạch thành đất ở vì đã được chủ đất đăng ký thể hiện trên bản đồ địa chính. Ông M1 bà T1 yêu cầu Tòa án huỷ 02 giấy CNQSDĐ đất cấp cho ông N1 và ông V, UBND huyện Cẩm Giàng không nhất trí.

Tại các biên bản xác minh, UBND thị trấn Lai Cách cung cấp: trước năm 1991 thửa đất số 123,124 đều là ao do UBND xã Lai Cách quản lý, chưa giao cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào. Năm 1991, UBND xã Lai cách có chủ trương cho nhân dân mượn đất để kinh doanh bằng hình thức đấu thầu. Gia đình ông N1 và ông V có nhu cầu mượn đất đã tham gia đấu thầu và trúng thầu. Gia đình ông N1 trúng thầu diện tích 74m² đất ao bao gồm cả hành lang lưu không và rãnh nước; đã nộp 35.050.000đ. Gia đình ông V trúng thầu diện tích 73m² đất ao bao gồm cả hành lang lưu không và rãnh nước; đã nộp 33.000.000đ. Ngày 18-8-1995, hai gia đình được địa phương giao đất. Do việc đấu thầu mượn đất kinh doanh diễn ra năm 1991 nên đến năm 1993 địa phương có chủ trương đo đạc lại các thửa đất này và vào bản đồ năm 1993, sổ mục kê; vì vậy diện tích đất của hộ ông N1, ông V được quy hoạch thành đất ở từ năm 1993. Tại bản đồ và mục kê năm 1993 ghi thêm tên ông N1, ông V thể hiện các gia đình có quyền sử dụng đối với 2 thửa đất ở này, chứ không phải hai gia đình có quyền sử dụng đất từ năm 1993. Đầu năm 1997, ông N1, ông V có đơn xin cấp giấy CNQSDĐ. Ngày 30-3-1997, UBND huyện Cẩm Bình cấp giấy CNQSDĐ số 1733/QSDĐ/LC-CB cho ông N1, diện tích 48m², loại đất ở lâu dài; kích thước (cạnh phía N giáp đường QL5A và phía B dài 04m; cạnh phía Đ 19,5m; phía T 19m). Ngày 30-3-1997, UBND huyện Cẩm Bình cấp giấy CNQSDĐ đất số 1734/QSDĐ/LC-CB cho ông V, diện tích 48m², loại đất ở lâu dài; kích thước (cạnh phía N giáp đường QL5A và phía B dài 04m; cạnh phía Đ 19,5m; phía T 19m). Diện tích theo kích thước số đo các cạnh đất ghi trong giấy CNQSDĐ của hai hộ đều hơn 70m² là bao gồm cả hành lang lưu không và rãnh nước. Diện tích đất sử dụng hợp pháp của gia đình ông N1, ông V được công nhận mỗi gia đình là 48m² theo kích thước các cạnh đất hộ ông N1 (phía N giáp đường QL5A và phía B dài 04m; phía Đ và T 12m). Kích thước các cạnh đất hộ ông V (phía N giáp đường QL5A và phía B dài 04m; phía Đ và T 12m). Thửa đất cấp cho gia đình ông N1 và ông V thuộc diện đất cấp sai thẩm quyền; ngày 25-11-1999 UBND tỉnh Hải Dương đã có quyết định số 2689 để hợp pháp hóa các diện tích đất đã cấp sai trong đó có hộ ông N1 và ông V. Hàng năm hai gia đình đều thực hiện nghĩa vụ đóng thuế với Nhà nước.

Trong hồ sơ quản lý đất đai lưu trữ đối với thửa 123,124 không có chỗ nào thể hiện tên ông M1, bà T1; ông M1 bà T1 không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ; không có việc đóng thuế hàng năm. Năm 2010-2011 gia đình ông M1 có hành vi san lấp cát và xây nhà trên thửa đất 123,124; UBND thị trấn Lai Cách đã lập biên bản đình chỉ và yêu cầu gia đình ông M1 phải dừng lại việc san lấp xây dựng nhà trái phép nhưng gia đình ông M1 cố tình không chấp hành. UBND thị trấn đã mời gia đình ông M1 lên làm việc nhiều lần nhưng ông M1 không đến nên Chính quyền địa phương vẫn chưa đưa ra biện pháp xử lý đối với vợ chồng ông M1.

UBND thị trấn Lai Cách giao nộp: Hồ sơ đề nghị xét duyệt đất cấp sai thẩm quyền; Tờ bản đồ 1993; Báo cáo kết quả xử lý và Trích nghị quyết ngày 10-11-2001; Biên bản họp hội đồng xử lý giao đất sai thẩm quyền; Tờ trình; Sổ mục kê

1993; Danh sách các hộ gia đình xin cấp đất; Tờ bản đồ 299; Danh sách hồ sơ 2689; Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông V, ông N1; Sơ đồ giao đất đầu thầu kinh doanh dịch vụ;

Tại biên bản xác minh, Phòng tài nguyên và môi trường huyện Cẩm Giàng xác định: hiện nay Phòng đang lưu giữ Danh sách cấp giấy CNQSDĐ (trong đó có hộ ông Mai Công N1 số thứ tự 1733 thửa đất số 124 tờ bản đồ số 12, diện tích 48m² đất ở; hộ ông Vũ Xuân V số thứ tự 1734 thửa đất số 123 tờ bản đồ số 12, diện tích 48m² đất ở) và giấy CNQSDĐ đã cấp cho hai hộ; không lưu giữ được hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ của hai hộ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 03-01-2013 đối với thửa đất 124 của hộ ông N1 thể hiện:

Đất ở: 48m² (cạnh B giáp rãnh thoát nước dài 04m; cạnh N giáp đường QL5A dài 04m; cạnh Đ giáp đất ông V dài 12m; cạnh T giáp đường đi của thôn dài 12m). Giá 7.000.000đ/m² đã bao gồm cả chi phí san lấp.

Công trình, cây cối: M1 hiên lợp tôn; nhà ở 27,9m²; công trình phụ (gồm bếp, vệ sinh); tổng giá trị còn lại là 82.650.000đ. Cây si: 70.000đ; cây hoa sữa: 60.000đ; bụi tre cọc không có giá trị.

San lấp: chiều sâu 1,5m x 48m² = 72m³. Theo văn bản số 1776/BXD ngày 16-8-2007 của Bộ xây dựng thì san lấp cát 1m³ chìm = 1,22m³ nổi; 72m³ x 1,22 = 88m³. Giá trị cát san lấp trên thị trường thuộc khu vực thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng tại thời điểm định giá là 70.000đ/m³. Tổng giá trị cát san lấp là 88m³ x 70.000đ = 6.160.000đ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 29-5-2014 đối với thửa đất 123 của hộ ông V thể hiện:

Đất ở: 48m² (cạnh B giáp rãnh thoát nước dài 04m; cạnh N giáp đường QL5A dài 04m; cạnh Đ giáp đất ông Kế dài 12m; cạnh T giáp đất ông N1 dài 12m). Giá 7.000.000đ/m² đã bao gồm cả chi phí san lấp.

Công trình: 01 phần nhà của vợ chồng ông M1 xây dựng trên đất ông V 0,06m² = 138.000đ; 01 phần nhà vợ chồng ông M1 xây dựng trên đất ông N1 2,4m² = 5.525.000đ; 01 tường bao phía dưới xây gạch ba banh, phía trên xây gạch chỉ cao 1,8m, dài 5,6m + 12m = 2.147.000đ.

San lấp: chiều sâu 1,5m x 48m² = 72m³. Theo văn bản số 1776/BXD ngày 16-8-2007 của Bộ xây dựng thì san lấp cát 1m³ chìm = 1,22m³ nổi; 72m³ x 1,22 = 88m³. Giá trị cát san lấp trên thị trường thuộc khu vực thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng tại thời điểm định giá là 70.000đ/m³. Tổng giá trị cát san lấp là 88m³ x 70.000đ = 6.160.000đ.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 21-11 và ngày 12-12-2019 đối với thửa đất 123, 124 của hộ ông V và ông N1 thể hiện: Giá đất ở: 7.200.000đ/m²;

Thửa đất 124 có cạnh phía Đ giáp thửa đất 123; cạnh T giáp đường bê tông thôn; cạnh B giáp rãnh thoát nước; cạnh N giáp đất công lưu không và đường QL5A. Công trình cây cối trên đất gồm có: bếp + vệ sinh: 9.928.000đ; nhà ở:

30.274.000đ; M1 lợp tôn: 661.000đ; sân xi măng: 74.000đ; tường bao: 178.000đ; 01 cây đu đủ: 90.000đ.

Thửa đất 123 có cạnh phía Đ giáp thửa đất ông K; cạnh T giáp thửa đất 124; cạnh B giáp rãnh thoát nước; cạnh N giáp đất công lưu không và đường QL5A. Công trình cây cối trên đất gồm có: nhà ở: 16.224.000đ; tường: 67.000đ; tường xây gạch chi: 100.000đ; hoa sắt trên tường: 221.000đ; sân lát vỉa xi măng: 26.000đ; M1 lợp tôn: 235.000đ; 01 cây đu đủ: 50.000đ.

2. Tóm tắt quá trình giải quyết vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm

2.1. Tóm tắt quá trình giải quyết vụ án

Vụ án được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý lần đầu ngày 20/7/2002, tại Bản án số 06/2014/DS-ST ngày 29/8/2014, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng quyết định (tóm tắt):

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công N1, bà Vũ Thị N2 và yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân V bà Mai Thị T2.*

- *Xác định diện tích 48m², tại thửa 124, Tờ bản đồ số 12, Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương trị giá 329.840.000 đồng là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Mai Công N1, Vũ Thị N2; xác định diện tích đất 48m², tại thửa 123, Tờ bản đồ số 12, Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương trị giá 329.840.000 đồng là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Vũ Xuân V, bà Mai Thị T2.*

- *Bản án sơ thẩm còn buộc vợ chồng ông Vũ Xuân M1, bà Nguyễn Thị T1 và chị Vũ Thị H2 phải trả lại diện tích đất nêu trên và rõ bỏ toàn bộ tài sản gắn liền với 02 diện tích đất trên; quyết định về tiền công san lấp; kiến nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Mai Công N1 và ông Vũ Xuân V...*

Ngày 15/10/2014, ông Vũ Xuân M1 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 35/2015/DS-PT ngày 28/12/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân M1 về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông M1 khi chưa tổng đạt đầy đủ giấy triệu tập theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là vi phạm tố tụng; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Vũ Xuân M1, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Vũ Xuân M1 do chị Vũ Thị H2 đại diện theo ủy quyền về việc đề nghị hủy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Công N1 và Vũ Xuân V.

- *Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1733/QSDĐ đứng tên ông Mai Công N1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1734/QSDĐ đứng tên ông Vũ Xuân V...*

- *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công N1, bà Vũ Thị N2 và yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân V, bà Mai Thị T2, về việc yêu cầu ông Vũ Xuân M1, bà Nguyễn Thị T1 trả lại 48m² đất tại thửa 124 và 48m² đất tại thửa 123 Tờ bản đồ số 12, thôn Hoàng Đường, trị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.*

Tòa án cấp phúc thẩm còn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng xem xét trách nhiệm thực hiện quản lý diện tích đất chưa sử dụng của Ủy ban nhân dân xã Lai Cách thời điểm năm 1995...

Sau khi xét xử phúc thẩm, ông Mai Công N1 có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 79/2018/DS-GĐT ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhận định:

“Ông M1, bà T1 không xuất trình được bất cứ giấy tờ tài liệu nào chứng minh ông, bà có quyền sử dụng đất trên, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, không có tên trong sổ địa chính, không có giấy tờ tài liệu cho rằng ông M1, bà T1 nộp thuế đất hàng năm, nên không có căn cứ để xác định ông M1, bà T1 có quyền sử dụng đất. Vì vậy, ông M1, bà T1 yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Mai Công N1 và ông Vũ Xuân V là không có căn cứ.” Quyết định giám đốc thẩm còn nhận định: *“Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N1, bà N2 cùng ông V, bà T2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1733/QSDĐ mang tên ông Mai Công N1 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1734/QSDĐ mang tên ông Vũ Xuân V, cấp ngày 30/3/1997 là không đúng”*.

Với nhận định nêu trên, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, phúc thẩm nêu trên và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Sau khi có Quyết định giám đốc thẩm nêu trên, chị Vũ Thị H2 có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định giám đốc thẩm số 79/2018/DS-GĐT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu trên, tại Thông báo số 30/TB-TA, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến, cụ thể:

“Theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật đất đai năm 1987 thì trường hợp ông M1 sử dụng đất hợp pháp thì ông M1 phải đăng ký kê khai. Tại biên bản đối thoại ngày 22/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng cho biết năm 1980, Nhà nước thực hiện quản lý đất đai thì gia đình ông M1, bà T1 không kê khai địa chính, đất vẫn thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Còn tại sổ mục kê năm 1993, thể hiện ông N1, ông V đứng tên chủ sử dụng đất thừa số 124, 123. Như vậy, không có căn cứ xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông M1, bà T1.” nên không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với quyết định giám đốc thẩm số 79/2018/DS-GĐT ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Sau khi thụ lý giải quyết lại vụ án theo quyết định giám đốc thẩm, tại Bản án sơ thẩm số 02/2022/DSST ngày 20/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 255, Điều 256; Điều 599, Điều 688 Bộ luật dân

sự năm 2005; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013, sửa đổi bổ sung năm 2018; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, Xí:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công N1, bà Vũ Thị N2 và yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân V, bà Mai Thị T2.

Xác định diện tích 48m² đất ở tại thửa 124 tờ bản đồ số 12; địa chỉ Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1733 vào ngày 30 tháng 3 năm 1997 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Mai Công N1 và bà Vũ Thị N2.

Xác định diện tích 48m² đất ở tại thửa 123 tờ bản đồ số 12; địa chỉ Thôn H, thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1734 vào ngày 30 tháng 3 năm 1997 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Vũ Xuân V và bà Mai Thị T2.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Xuân M1 gồm (bà Nguyễn Thị T1, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn Q, anh Vũ Văn L1, anh Vũ Xuân T3) phải tháo dỡ di dời toàn bộ công trình, cây cối đã xây dựng và trồng trên hai thửa đất số 123, 124 để trả lại mặt bằng diện tích đất ở cho ông Mai Công N1, bà Vũ Thị N2 và ông Vũ Xuân V, bà Mai Thị T2.

[2]. Ông Mai Công N1 và bà Vũ Thị N2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Xuân M1 gồm (bà Nguyễn Thị T1, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn Q, anh Vũ Văn L1, anh Vũ Xuân T3) tiền đất san lấp diện tích 48m² đất là 6.160.000đ.

Ông Vũ Xuân V, bà Mai Thị T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Xuân M1 gồm (bà Nguyễn Thị T1, chị Vũ Thị H2, chị Vũ Thị H1, anh Vũ Văn Q, anh Vũ Văn L1, anh Vũ Xuân T3) tiền đất san lấp diện tích 48m² đất là 6.160.000đ.

[3]. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vũ Xuân M1 về việc hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1733 và 1734 do UBND huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) cấp cho ông Mai Công N1, ông Vũ Xuân V vào ngày 30 tháng 3 năm 1997.

Tòa án cấp sơ thẩm còn kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng, UBND thị trấn Lai Cách giải quyết theo thẩm quyền đối với công trình xây dựng trái phép trên phần đất lưu không; quyết định về chi phí tố tụng, thông báo quyền kháng cáo và quyền đề nghị thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Vũ Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà T1 có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng T3 trong việc sử dụng và đánh giá chứng cứ khi nhận định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1733 và 1734 cho các ông N1 và ông V không đúng nhưng lại cho rằng sai sót này đã được hợp thức hóa thông qua quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1, ông V có nhiều sai sót nghiêm trọng T3, chưa được hợp thức hóa nên cần thiết phải thu hồi và hủy bỏ. Vì vậy,

ông N1 và ông V không có căn cứ đòi lại tài sản. Người kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Công N1 và yêu cầu độc lập của ông Vũ Xuân V, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo là chị Vũ Thị H2 thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử lại; luật sư Nguyễn Công Hiếu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vũ Thị H2 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có nhiều thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ nên chưa đủ căn cứ vững chắc giải quyết vụ án, cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương nhận xét những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm; về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Vũ Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà T1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Chị H2, bà T1 là những người có quyền kháng cáo, làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo hợp lệ nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương trực tiếp xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa chị H2 thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm, sự thay đổi kháng cáo của chị H2 là trong phạm vi kháng cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

Người đại diện hợp pháp cho UBND huyện Cẩm Giàng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung

[2.1]. Năm 1995, Ủy ban nhân dân xã Lai Cách (nay là Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách) tổ chức đấu thầu thùng, ao, vũng ven đường Quốc lộ 5A, cho dân mượn đất để kinh doanh. Ông N1, ông V có tham gia và trúng thầu. Ngày 18/5/1995, ông N1 đã nộp 35.050.000 đồng và ông V nộp 33.000.000 đồng tiền trúng thầu cho Ủy ban nhân dân xã Lai Cách, thể hiện tại phiếu thu số 72 và 73. Ngày 16-10-1996, hai hộ ông N1, ông V được giao đất. Năm 1996, ông N1, ông V làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã Lai Cách xét duyệt và đề nghị cho hai ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 123, 124 vào ngày 01-4-1996. Ngày 30-3-1997, Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai ông với mục đích sử dụng là đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài.

Quá trình giải quyết vụ án, Ông Vũ Xuân M1, bà Nguyễn Thị T1 và chị Vũ Thị H2 cho rằng diện tích đất mang tên ông Mai Công N1, ông Vũ Xuân V là thuộc quyền sử dụng của ông M1 và bà T1 vì ông, bà đã sử dụng từ năm 1972, cụ thể ông bà đã thả bèo, trồng tre ở bờ ao làm nơi buộc trâu, việc sử dụng của ông, bà như trên được một số người dân trong thôn xác nhận. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Lai Cách và lời khai của những người dân đã ký trong đơn vợ chồng bà T1 giao nộp thể hiện từ trước năm 1995, diện tích đất tại thửa số 123, 124 thôn Hoàng Đường vẫn là ao do UBND xã Lai Cách quản lý, chưa giao cho ai sử dụng, gia đình bà T1 ở gần đó chỉ ra thả bèo mặt nước ao, trồng tre trên bờ ao và làm nơi buộc trông giữ trâu. Năm 2010 -2011, ông M1 bà T1 mới san lấp để xây nhà, công trình phụ. Khi phát hiện việc xây dựng trái phép thì Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách đã nhiều lần mời ông M1, bà T1 đến trụ sở làm việc nhưng ông, bà không đến. Năm 2013 khi Tòa án đã thụ lý vụ án, đang giải quyết tranh chấp thì ông, bà tiếp tục xây dựng thêm nhà, tường bao trên diện tích đất tranh chấp, đồng thời xây dựng trên cả phần đất lưu không thuộc Quốc lộ 5. Cho đến nay, bà T1, chị H2 cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu nào chứng minh việc có quyền sử dụng diện tích đất nêu trên, không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất qua các thời kỳ, không có tên trong sổ địa chính, không có giấy tờ thể hiện việc nộp thuế đất hàng năm. Chị H2 có lời trình bày cho rằng, trước đây hộ gia đình chị đã đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả phần diện tích đất có tranh chấp đồng thời với diện tích đất ở của gia đình chị song không lưu giữ được tài liệu chứng minh, khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mặc dù phát hiện thấy không được cấp đối với phần diện tích có tranh chấp nhưng không có ý kiến gì nên không có căn cứ xác định ông M1, bà T1 có quyền sử dụng đất như bản án sơ thẩm lập luận, phù hợp với nhận định của Quyết định giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Thông báo số 30/TB-TA của Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2]. Nguồn gốc sử dụng đất của nguyên đơn ông Mai Công N1 và bà Vũ Thị N2 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Xuân V và bà Mai Thị T2 là do Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách tổ chức đấu thầu và do có nhu cầu nên hộ ông V, bà T2 và hộ ông N1, bà N2 có đơn xin đấu thầu và đã trúng thầu. Thời điểm đấu thầu, đất thuộc quyền quản lý của thị trấn. Kể từ thời điểm trúng thầu, hai hộ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính (nộp tiền trúng thầu), đóng thuế với nhà nước và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách bàn giao đất. Từ thời điểm này hộ ông N1, bà N2, hộ ông V, bà T2 có những quyền của người sử dụng đất đối với diện tích trúng thầu. Việc cơ quan quản lý nhà nước về đất đai ở địa phương có những thiếu sót trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hai hộ gia đình nêu trên không làm thay đổi bản chất việc hộ ông N1, bà N2 và hộ ông V, bà T2 có quyền sử dụng đất từ việc đấu thầu nên những người này có quyền kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Kháng cáo và ý kiến trình bày tại phiên tòa của chị Vũ Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn

Thị T1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; quan điểm của Luật sư Nguyễn Công H về việc cần làm rõ những thiếu sót, sai phạm trong quá trình tổ chức đấu thầu, hợp thức hóa đất cho hộ gia đình ông ông N1, ông V như chủ trương đấu thầu là giao đất cho dân làm kinh tế, mục đích nộp tiền là mượn đất dịch vụ; con dấu trong biên bản lập ngày 16-10-1996 lại là con dấu của Ủy ban nhân dân xã Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, trong khi lúc này vẫn còn huyện Cẩm Bình..., những nội dung này không làm thay đổi bản chất của việc hai hộ ông N1, ông V đã tham gia đấu thầu và trúng thầu, đã nộp tiền vào ngân sách và được hợp thức hóa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng những hộ khác tham gia đấu thầu như đã phân tích nêu trên nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Chị H2 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; bà T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Vũ Thị Hà và bà Nguyễn Thị T1 do chị H2 làm đại diện, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Vũ Thị H2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0002249 ngày 30/5/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, xác định đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 28/9/2022./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Cẩm Giàng;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng

